

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP

BIỂU MẪU 20

Công khai thông tin về đội ngũ giảng viên cơ hữu của cơ sở giáo dục đại học năm học 2022 - 2023

A. Công khai thông tin về đội ngũ giảng viên cơ hữu

STT	Nội dung	Tổng số	Chức danh		Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp		
			Giáo sư	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học	Cao đẳng	Trình độ khác	Hạng III	Hạng II	Hạng I
	Tổng số	387	0	11	87	289	0	0	0	309	67	11
I	Giảng viên cơ hữu theo ngành	371	0	11	87	273	0	0	0	294	66	11
1	Khối ngành I	219	0	6	64	149	0	0	0	164	49	6
	Giáo dục mầm non	28		1	5	22				21	6	1
	Giáo dục Tiểu học	43		1	11	31				32	10	1
	Giáo dục Chính trị	8		0	3	5				5	3	0
	Giáo dục Thể chất	11		0	3	8				10	1	0
	Sư phạm Toán học	11		1	4	6				6	4	1
	Sư phạm Hóa học	9		2	3	4				4	3	2
	Sư phạm Ngữ văn	9		0	4	5				6	3	0
	Sư phạm Lịch sử	6		0	1	5				6	0	0
	Sư phạm Âm nhạc	8		0	1	7				7	1	0
	Sư phạm Tiếng Anh	22		0	6	16				20	2	0
	Sư phạm Địa lý	6		0	2	4				5	1	0
	Sư phạm Tin học	6		0	2	4				5	1	0
	Sư phạm Mỹ thuật	10		0	1	9				10	0	0

STT	Nội dung	Tổng số	Chức danh		Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp		
			Giáo sư	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học	Cao đẳng	Trình độ khác	Hạng III	Hạng II	Hạng I
	Sư phạm Vật lý	7		1	4	2				4	2	1
	Sư phạm Sinh học	6		0	5	1				2	4	0
	Sư phạm Công nghệ	7		0	2	5				5	2	0
	Sư phạm Khoa học tự nhiên	16		0	3	13				12	4	0
	Sư phạm Lịch sử và Địa lý	6		0	4	2				4	2	0
2	Khối ngành II	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3	Khối ngành III	41	0	1	7	33	0	0	0	35	5	1
	Quản trị kinh doanh	13		1	1	11				11	1	1
	Tài chính - Ngân hàng	9		0	2	7				7	2	0
	Kế toán	19		0	4	15				17	2	0
4	Khối ngành IV	9	0	1	4	4	0	0	0	5	3	1
	Khoa học Môi trường	9		1	4	4				5	3	1
5	Khối ngành V	31		0	6	25				28	3	0
	Khoa học máy tính	13		0	3	10				12	1	0
	Nuôi trồng thủy sản	10		0	1	9				10	0	0
	Nông học	8		0	2	6				6	2	0
6	Khối ngành VI	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
7	Khối ngành VII	71	0	3	6	62	0	0	0	62	6	3
	Việt Nam học	10		0	1	9				10	0	0
	Quản lý đất đai	7		0	1	6				7	0	0
	Công tác xã hội	8		1	0	7				7	0	1
	Quản lý Văn hóa	7		1	1	5				5	1	1

STT	Nội dung	Tổng số	Chức danh		Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp		
			Giáo sư	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học	Cao đẳng	Trình độ khác	Hạng III	Hạng II	Hạng I
	Ngôn ngữ Trung Quốc	23		1	1	21				18	4	1
	Ngôn ngữ Anh	16		0	2	14				15	1	0
II	Giảng viên cơ hữu môn chung	16	0	0	0	16	0	0	0	15	1	0

Đồng Tháp, ngày 11 tháng 11 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG



Hồ Văn Thống



B. Công khai thông tin về danh sách chi tiết đội ngũ giảng viên cơ hữu theo khối ngành

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành giảng dạy
I	Khối ngành I				
1	Huỳnh Mộng Tuyền	25.12.1973	Nữ	PGS.TS	Giáo dục mầm non
2	Đỗ Thị Hồng Hạnh	15.06.1967	Nữ	TS	Giáo dục mầm non
3	Lê Thị Kim Anh	19.09.1984	Nữ	TS	Giáo dục mầm non
4	Nguyễn Trọng Hiếu	19.04.1989	Nam	TS	Giáo dục mầm non
5	Phạm Thị Kim Châu	03.08.1978	Nữ	TS	Giáo dục mầm non
6	Trương Tấn Đạt	17.09.1981	Nam	TS	Giáo dục mầm non
7	Đặng Thanh Hải	14.10.1983	Nữ	ThS	Giáo dục mầm non
8	Lê Ánh Nguyệt	30.01.1983	Nữ	ThS	Giáo dục mầm non
9	Lê Thị Bích Vân	06.06.1986	Nữ	ThS	Giáo dục mầm non
10	Lê Thị Kim Chi	20.06.1981	Nữ	ThS	Giáo dục mầm non
11	Lê Thị Lan	27.08.1987	Nữ	ThS	Giáo dục mầm non
12	Lê Thị Mỹ Trà	04.05.1970	Nữ	ThS	Giáo dục mầm non
13	Lê Thị Thanh Hồng	12.12.1980	Nữ	ThS	Giáo dục mầm non
14	Lê Thị Thanh Sang	05.11.1975	Nữ	ThS	Giáo dục mầm non
15	Mai Thị Kim Thoa	10.10.1973	Nữ	ThS	Giáo dục mầm non
16	Nguyễn Ngọc Trinh	03.10.1993	Nữ	ThS	Giáo dục mầm non
17	Nguyễn Thị Hồng Khoa	06.06.1987	Nữ	ThS	Giáo dục mầm non
18	Nguyễn Thị Ngọc Thu	22.11.1982	Nữ	ThS	Giáo dục mầm non
19	Nguyễn Thị Thanh Nguyệt	19.01.1976	Nữ	ThS	Giáo dục mầm non
20	Nguyễn Thị Thuỳ Dương	10.06.1978	Nữ	ThS	Giáo dục mầm non
21	Nguyễn Thị Tuyết Minh	03.02.1979	Nữ	ThS	Giáo dục mầm non
22	Phan Thị Hoàng Nguyên	18.11.1982	Nữ	ThS	Giáo dục mầm non
23	Trần Hữu Điền	01.04.1988	Nam	ThS	Giáo dục mầm non
24	Trần Nguyễn Thị Như Mai	28.01.1986	Nữ	ThS	Giáo dục mầm non
25	Trần Thị Ngọc Anh	22.06.1971	Nữ	ThS	Giáo dục mầm non
26	Trần Văn Thọ	01.01.1963	Nam	ThS	Giáo dục mầm non
27	Võ Ngọc Quyên	17.02.1976	Nữ	ThS	Giáo dục mầm non
28	Võ Thị Nhỏ	18.06.1985	Nữ	ThS	Giáo dục mầm non
29	Phạm Minh Giản	16.04.1962	Nam	PGS.TS	Giáo dục Tiểu học

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành giảng dạy
30	Đỗ Thị Như Uyên	16.07.1982	Nữ	TS	Giáo dục Tiểu học
31	Đỗ Văn Hùng	16.07.1960	Nam	TS	Giáo dục Tiểu học
32	Nguyễn Văn Hưng	29.04.1977	Nam	TS	Giáo dục Tiểu học
33	Lê Duy Cường	19.04.1983	Nam	TS	Giáo dục Tiểu học
34	Lê Thị Tuyết Trinh	12.12.1982	Nữ	TS	Giáo dục Tiểu học
35	Quách Khả Quang	01.01.1979	Nam	TS	Giáo dục Tiểu học
36	Nguyễn Thị Kiều	24.09.1978	Nữ	TS	Giáo dục Tiểu học
37	Nguyễn Thị Trúc Minh	02.03.1981	Nữ	TS	Giáo dục Tiểu học
38	Trần Hoàng Anh	20.02.1980	Nam	TS	Giáo dục Tiểu học
39	Trần Đức Hùng	15.04.1979	Nam	TS	Giáo dục Tiểu học
40	Võ Đức Thịnh	01.01.1987	Nam	TS	Giáo dục Tiểu học
41	Cao Thị Bích Liên	26.04.1984	Nữ	ThS	Giáo dục Tiểu học
42	Đặng Trường Trung Tín	26.10.1982	Nam	ThS	Giáo dục Tiểu học
43	Danh Trung	01.01.1985	Nam	ThS	Giáo dục Tiểu học
44	Hồ Ngọc Lợi	26.05.1983	Nam	ThS	Giáo dục Tiểu học
45	Hoàng Thị Quế	19.05.1988	Nữ	ThS	Giáo dục Tiểu học
46	Huỳnh Mỹ Linh	01.11.1984	Nữ	ThS	Giáo dục Tiểu học
47	Huỳnh Thị Kiều Trâm	25.06.1988	Nữ	ThS	Giáo dục Tiểu học
48	Lê Anh Tuấn	18.12.1984	Nam	ThS	Giáo dục Tiểu học
49	Lê Thị Mai An	14.02.1983	Nữ	ThS	Giáo dục Tiểu học
50	Lê Thị Thanh	07.09.1983	Nữ	ThS	Giáo dục Tiểu học
51	Ngô Trần Thúc Bảo	04.07.1975	Nam	ThS	Giáo dục Tiểu học
52	Nguyễn Hoàng Lâm Em	13.04.1986	Nam	ThS	Giáo dục Tiểu học
53	Nguyễn Phúc Huy	27.06.1985	Nam	ThS	Giáo dục Tiểu học
54	Nguyễn Thanh Hà	15.02.1978	Nam	ThS	Giáo dục Tiểu học
55	Nguyễn Thị Nhàn	03.01.1976	Nữ	ThS	Giáo dục Tiểu học
56	Nguyễn Thị Như Quyên	03.02.1977	Nữ	ThS	Giáo dục Tiểu học
57	Nguyễn Thị Thùy Dương	10.06.1978	Nữ	ThS	Giáo dục Tiểu học
58	Nguyễn Thị Thùy Dương	11.05.1976	Nữ	ThS	Giáo dục Tiểu học
59	Phạm Hiền Chương	15.07.1982	Nam	ThS	Giáo dục Tiểu học
60	Phạm Thị Minh Hiếu	25.01.1982	Nữ	ThS	Giáo dục Tiểu học

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành giảng dạy
61	Phan Thị Hiệp	01.01.1982	Nữ	ThS	Giáo dục Tiểu học
62	Trần Minh Sang	09.08.1974	Nam	ThS	Giáo dục Tiểu học
63	Trần Thị Bích Phượng	01.01.1985	Nữ	ThS	Giáo dục Tiểu học
64	Trần Thị Thùy Dung	08.01.1984	Nữ	ThS	Giáo dục Tiểu học
65	Trần Văn Mạnh	01.10.1981	Nam	ThS	Giáo dục Tiểu học
66	Trần Văn Phúc	01.01.1972	Nam	ThS	Giáo dục Tiểu học
67	Trương Văn Lợi	25.10.1987	Nam	ThS	Giáo dục Tiểu học
68	Võ Minh Tâm	01.01.1987	Nam	ThS	Giáo dục Tiểu học
69	Võ Thị Lại	03.06.1992	Nữ	ThS	Giáo dục Tiểu học
70	Vũ Nguyên Chấn	17.09.1983	Nam	ThS	Giáo dục Tiểu học
71	Vũ Thị Hiền	12.07.1984	Nữ	ThS	Giáo dục Tiểu học
72	Lương Thanh Tân	03.12.1963	Nam	TS	Giáo dục Chính trị
73	Lê Thanh Dũng	15.04.1984	Nam	TS	Giáo dục Chính trị
74	Lê Văn Tùng	26.11.1983	Nam	TS	Giáo dục Chính trị
75	Đoàn Duy Trúc Ngọc	19.01.1995	Nữ	ThS	Giáo dục Chính trị
76	Lê Anh Thi	25.11.1986	Nữ	ThS	Giáo dục Chính trị
77	Lê Thị Lệ Hoa	09.11.1981	Nữ	ThS	Giáo dục Chính trị
78	Nguyễn Đình Cường	01.01.1985	Nam	ThS	Giáo dục Chính trị
79	Phùng Ngọc Tiến	20.07.1982	Nam	ThS	Giáo dục Chính trị
80	Lê Thị Minh Đạo	06.01.1980	Nữ	TS	Giáo dục Thể chất
81	Phạm Việt Thanh	14.06.1983	Nam	TS	Giáo dục Thể chất
82	Trần Anh Hào	30.10.1978	Nam	TS	Giáo dục Thể chất
83	Đỗ Vĩnh Khiết	08.09.1977	Nam	ThS	Giáo dục Thể chất
84	Hồ Thanh Tâm	12.12.1985	Nam	ThS	Giáo dục Thể chất
85	Huỳnh Nguyễn Kim Ngân	23.04.1986	Nữ	ThS	Giáo dục Thể chất
86	La Văn Liêm	04.03.1976	Nam	ThS	Giáo dục Thể chất
87	Nguyễn Trung Nam	02.02.1976	Nam	ThS	Giáo dục Thể chất
88	Nguyễn Văn Hậu	01.04.1963	Nam	ThS	Giáo dục Thể chất
89	Tiêu Thanh Sang	01.11.1969	Nam	ThS	Giáo dục Thể chất
90	Trần Minh Hùng	27.12.1980	Nam	ThS	Giáo dục Thể chất
91	Nguyễn Dương Hoàng	24.08.1958	Nam	PGS.TS	Sư phạm Toán học

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành giảng dạy
92	Nguyễn Văn Dũng	15.05.1981	Nam	TS	Sư phạm Toán học
93	Lê Xuân Trường	20.07.1958	Nam	TS	Sư phạm Toán học
94	Trần Lê Nam	01.01.1983	Nam	TS	Sư phạm Toán học
95	Võ Xuân Mai	16.02.1986	Nữ	TS	Sư phạm Toán học
96	Huỳnh Ngọc Cẩm	01.01.1975	Nam	ThS	Sư phạm Toán học
97	Ngô Tấn Phúc	18.10.1985	Nam	ThS	Sư phạm Toán học
98	Nguyễn Thị Mộng Tuyền	20.05.1985	Nữ	ThS	Sư phạm Toán học
99	Nguyễn Thị Thanh Lý	24.09.1984	Nữ	ThS	Sư phạm Toán học
100	Nguyễn Trung Hiếu	30.04.1983	Nam	ThS	Sư phạm Toán học
101	Trần Thụy Hoàng Yến	02.08.1984	Nữ	ThS	Sư phạm Toán học
102	Trần Quốc Trị	20.01.1961	Nam	PGS.TS	Sư phạm Hóa học
103	Trần Văn Tân	27.07.1982	Nam	PGS.TS	Sư phạm Hóa học
104	Bùi Thị Minh Nguyệt	22.10.1979	Nữ	TS	Sư phạm Hóa học
105	Lê Thị Thanh Xuân	01.07.1972	Nữ	TS	Sư phạm Hóa học
106	Lý Huy Hoàng	15.08.1985	Nam	TS	Sư phạm Hóa học
107	Đặng Thị Thu Liễu	20.05.1983	Nữ	ThS	Sư phạm Hóa học
108	Hoàng Thị Thuỳ Dương	15.06.1980	Nữ	ThS	Sư phạm Hóa học
109	Nguyễn Thị Ngọc Quý	04.10.1982	Nữ	ThS	Sư phạm Hóa học
110	Trần Thị Xuân Mai	12.01.1982	Nữ	ThS	Sư phạm Hóa học
111	Trần Thanh Vân	10.10.1980	Nữ	TS	Sư phạm Ngữ văn
112	Nguyễn Ngọc Phú	01.01.1984	Nam	TS	Sư phạm Ngữ văn
113	Nguyễn Thị Chính	17.03.1969	Nữ	TS	Sư phạm Ngữ văn
114	Huỳnh Kim Tường Vi	25.09.1983	Nữ	TS	Sư phạm Ngữ văn
115	Hồ Chí Linh	01.01.1982	Nam	ThS	Sư phạm Ngữ văn
116	Nguyễn Diệu Minh Chân Như	17.09.1984	Nam	ThS	Sư phạm Ngữ văn
117	Nguyễn Phan Phương Uyên	18.01.1985	Nữ	ThS	Sư phạm Ngữ văn
118	Nguyễn Thị Bích Phượng	15.06.1986	Nữ	ThS	Sư phạm Ngữ văn
119	Phạm Văn Tính	12.07.1995	Nam	ThS	Sư phạm Ngữ văn
120	Lê Đình Trọng	04.02.1976	Nam	TS	Sư phạm Lịch sử
121	Đinh Hồng Khoa	24.10.1983	Nam	ThS	Sư phạm Lịch sử
122	Nguyễn Thế Hồng	24.03.1986	Nam	ThS	Sư phạm Lịch sử

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành giảng dạy
123	Nguyễn Văn Triển	02.01.1965	Nam	ThS	Sư phạm Lịch sử
124	Trần Thị Giao Xuân	05.02.1981	Nữ	ThS	Sư phạm Lịch sử
125	Trương Công Vĩnh Khanh	10.10.1986	Nam	ThS	Sư phạm Lịch sử
126	Nguyễn Thị Ngọc Hà	06.7.1968	Nữ	TS	Sư phạm Âm nhạc
127	Lại Thị Thanh Thủy	17.10.1982	Nữ	ThS	Sư phạm Âm nhạc
128	Nguyễn Huy Bình	10.10.1985	Nam	ThS	Sư phạm Âm nhạc
129	Nguyễn Thị Quỳnh Như	18.04.1989	Nữ	ThS	Sư phạm Âm nhạc
130	Trà Ngọc Đức	30.4.1986	Nam	ThS	Sư phạm Âm nhạc
131	Trần Nguyễn Thanh Thảo	14.01.1977	Nữ	ThS	Sư phạm Âm nhạc
132	Võ Xuân Hùng	12.10.1979	Nam	ThS	Sư phạm Âm nhạc
133	Nguyễn Bích Hằng	10.09.1985	Nữ	ThS	Sư phạm Âm nhạc
134	Lê Thanh Nguyệt Anh	26.04.1966	Nữ	TS	Sư phạm Tiếng Anh
135	Phan Ngọc Thạch	28.09.1974	Nam	TS	Sư phạm Tiếng Anh
136	Võ Phan Thu Ngân	07.01.1976	Nữ	TS	Sư phạm Tiếng Anh
137	Phan Trọng Nam	23.01.1980	Nam	TS	Sư phạm Tiếng Anh
138	Hồ Văn Thống	02.10.1968	Nam	TS	Sư phạm Tiếng Anh
139	Nguyễn Huỳnh Thanh Hà	10.11.1983	Nữ	TS	Sư phạm Tiếng Anh
140	Bùi Thanh Tính	1995	Nam	ThS	Sư phạm Tiếng Anh
141	Trần Thiện Tánh	27.02.1984	Nam	ThS	Sư phạm Tiếng Anh
142	Huỳnh Tấn Thạch	19.11.1982	Nam	ThS	Sư phạm Tiếng Anh
143	Hồng Diễm Thúy	05.02.1995	Nữ	ThS	Sư phạm Tiếng Anh
144	Huỳnh Khải Vinh	02.06.1983	Nam	ThS	Sư phạm Tiếng Anh
145	Huỳnh Thiện Tân	17.09.1983	Nam	ThS	Sư phạm Tiếng Anh
146	Lê Phước Vinh	18.05.1986	Nam	ThS	Sư phạm Tiếng Anh
147	Lê Quang Minh	18.05.1983	Nam	ThS	Sư phạm Tiếng Anh
148	Nguyễn Bảo Trâm	19.12.1984	Nữ	ThS	Sư phạm Tiếng Anh
149	Phan Thùy Trang	09.09.1984	Nữ	ThS	Sư phạm Tiếng Anh
150	Võ Thị Bích Ngoan	05.06.1987	Nữ	ThS	Sư phạm Tiếng Anh
151	Trần Tuấn Anh	17.01.1985	Nam	ThS	Sư phạm Tiếng Anh
152	Nguyễn Văn Cảnh	09.10.1986	Nam	ThS	Sư phạm Tiếng Anh
153	Võ Thị Anh Thư	07.10.1986	Nữ	ThS	Sư phạm Tiếng Anh

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành giảng dạy
154	Võ Thị Kim Thảo	29.12.1969	Nữ	ThS	Sư phạm Tiếng Anh
155	Nguyễn Thị Xuân Đài	17.04.1983	Nữ	ThS	Sư phạm Tiếng Anh
156	Nguyễn Thanh Tâm	20.06.1982	Nam	TS	Sư phạm Địa lý
157	Phùng Thái Dương	19.08.1983	Nam	TS	Sư phạm Địa lý
158	Huỳnh Thị Trúc Giang	02.12.1982	Nữ	ThS	Sư phạm Địa lý
159	Nguyễn Hữu Gọn	01.01.1983	Nam	ThS	Sư phạm Địa lý
160	Nguyễn Quốc Thanh	20.10.1987	Nam	ThS	Sư phạm Địa lý
161	Nguyễn Thị Kim Lan	28.10.1976	Nữ	ThS	Sư phạm Địa lý
162	Đặng Quốc Bảo	21.01.1976	Nam	TS	Sư phạm Tin học
163	Võ Công Chương	19.12.1981	Nam	TS	Sư phạm Tin học
164	Huỳnh Lê Uyên Minh	15.02.1984	Nữ	ThS	Sư phạm Tin học
165	Nguyễn Hữu Đuyệt	01.09.1964	Nam	ThS	Sư phạm Tin học
166	Nguyễn Thị Mỹ Dung	02.07.1980	Nữ	ThS	Sư phạm Tin học
167	Nguyễn Thị Ngọc Chi	21.06.1986	Nữ	ThS	Sư phạm Tin học
168	Trần Đại Nghĩa	15.08.1979	Nam	TS	Sư phạm Mỹ thuật
169	Châu Hoàng Trọng	12.10.1987	Nam	ThS	Sư phạm Mỹ thuật
170	Hồ Hải Thanh	16.03.1981	Nam	ThS	Sư phạm Mỹ thuật
171	Lê Mạnh Hà	07.10.1980	Nam	ThS	Sư phạm Mỹ thuật
172	Lê Minh Quang	28.03.1979	Nam	ThS	Sư phạm Mỹ thuật
173	Lê Thị Ngọc Mai	19.02.1974	Nữ	ThS	Sư phạm Mỹ thuật
174	Lượng Minh Trí	10.02.1979	Nam	ThS	Sư phạm Mỹ thuật
175	Nguyễn Đắc Nguyên	02.01.1971	Nam	ThS	Sư phạm Mỹ thuật
176	Nguyễn Thị Bích Thuần	21.08.1984	Nữ	ThS	Sư phạm Mỹ thuật
177	Phạm Thị Thu Hằng	04.02.1980	Nữ	ThS	Sư phạm Mỹ thuật
178	Huỳnh Vĩnh Phúc	27.10.1980	Nam	PGS.TS	Sư phạm Vật lý
179	Nguyễn Hoàng Anh	15.11.1982	Nam	TS	Sư phạm Vật lý
180	Lê Thị Ngọc Tú	08.07.1983	Nữ	TS	Sư phạm Vật lý
181	Nguyễn Quốc Thái	24.11.1983	Nam	TS	Sư phạm Vật lý
182	Phạm Tuấn Vinh	20.12.1984	Nam	TS	Sư phạm Vật lý
183	Phạm Thiết Trường	10.10.1982	Nữ	ThS	Sư phạm Vật lý
184	Trần Thụy Như Phượng	10.06.1983	Nữ	ThS	Sư phạm Vật lý

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành giảng dạy
185	Hoàng Thị Nghiệp	18.10.1980	Nữ	TS	Sư phạm Sinh học
186	Lê Thị Thanh	07.10.1983	Nữ	TS	Sư phạm Sinh học
187	Nguyễn Kim Búp	01.08.1980	Nữ	TS	Sư phạm Sinh học
188	Nguyễn Thị Oanh	01.01.1982	Nữ	TS	Sư phạm Sinh học
189	Trần Đức Tường	28.08.1971	Nam	TS	Sư phạm Sinh học
190	Phạm Hà Thanh Nguyên	17.02.1986	Nữ	ThS	Sư phạm Sinh học
191	Nguyễn Đức Thông	26.05.1986	Nam	TS	Sư phạm Công nghệ
192	Nguyễn Quốc Vũ	19.11.1978	Nam	TS	Sư phạm Công nghệ
193	Hà Thái Thuỷ Lê	01.01.1982	Nữ	ThS	Sư phạm Công nghệ
194	Nguyễn Minh Phương	10.05.1967	Nam	ThS	Sư phạm Công nghệ
195	Trần Lê Chân	01.01.1983	Nam	ThS	Sư phạm Công nghệ
196	Võ Thành Vĩnh	14.06.1983	Nam	ThS	Sư phạm Công nghệ
197	Vũ Trọng Tài	10.10.1965	Nam	ThS	Sư phạm Công nghệ
198	Bùi Văn Thắng	18.08.1981	Nam	TS	Sư phạm khoa học tự nhiên
199	Dương Huy Cẩn	12.12.1958	Nam	TS	Sư phạm khoa học tự nhiên
200	Đặng Kim Tại	16.03.1981	Nữ	TS	Sư phạm khoa học tự nhiên
201	Hồ Sỹ Linh	05.05.1981	Nam	ThS	Sư phạm khoa học tự nhiên
202	Lê Thị Thu Hường	14.10.1981	Nữ	ThS	Sư phạm khoa học tự nhiên
203	Lê Uyển Thanh	08.09.1983	Nữ	ThS	Sư phạm khoa học tự nhiên
204	Nguyễn Minh Thảo	06.08.1988	Nam	ThS	Sư phạm khoa học tự nhiên
205	Nguyễn Thị Bé Nhanh	01.09.1982	Nữ	ThS	Sư phạm khoa học tự nhiên
206	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	13.08.1987	Nữ	ThS	Sư phạm khoa học tự nhiên
207	Nguyễn Thị Tình	13.01.1979	Nữ	ThS	Sư phạm khoa học tự nhiên
208	Phạm Minh Xuân	26.04.1988	Nữ	ThS	Sư phạm khoa học tự nhiên
209	Phạm Thị Mỹ Hạnh	22.06.1981	Nữ	ThS	Sư phạm khoa học tự nhiên
210	Phạm Thị Thanh Mai	02.01.1981	Nữ	ThS	Sư phạm khoa học tự nhiên
211	Phan Trung Cang	03.05.1983	Nam	ThS	Sư phạm khoa học tự nhiên
212	Tô Kim Thi	20.04.1970	Nữ	ThS	Sư phạm khoa học tự nhiên
213	Trần Thị Thanh Thư	03.07.1980	Nữ	ThS	Sư phạm khoa học tự nhiên
214	Hoàng Thị Việt Hà	21.12.1983	Nữ	TS	Sư phạm Lịch sử và Địa lý
215	Nguyễn Trọng Minh	01.01.1976	Nam	TS	Sư phạm Lịch sử và Địa lý

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành giảng dạy
216	Tôn Sơn	06.02.1985	Nam	TS	Sư phạm Lịch sử và Địa lý
217	Trần Thị Nhung	10.08.1982	Nữ	TS	Sư phạm Lịch sử và Địa lý
218	Nguyễn Thị Thanh Vân	01.03.1981	Nữ	ThS	Sư phạm Lịch sử và Địa lý
219	Trần Thị Hiền	03.08.1976	Nữ	ThS	Sư phạm Lịch sử và Địa lý
II	Khối ngành II				
III	Khối ngành III				
220	Võ Thị Thanh Lộc	20.5.1963	Nữ	PGS.TS	Quản trị kinh doanh
221	Lê Văn Tuấn	20.04.1987	Nam	TS	Quản trị kinh doanh
222	Dương Thị Lan	08.01.1980	Nữ	ThS	Quản trị kinh doanh
223	Hoàng Thị Doan	14.01.1987	Nữ	ThS	Quản trị kinh doanh
224	Huỳnh Quốc Tuấn	22.03.1987	Nam	ThS	Quản trị kinh doanh
225	Lê Thị Loan	30.07.1982	Nữ	ThS	Quản trị kinh doanh
226	Ngô Nguyễn Hoàng Pha	30.07.1986	Nam	ThS	Quản trị kinh doanh
227	Nguyễn Hoàng Trung	21.10.1984	Nam	ThS	Quản trị kinh doanh
228	Nguyễn Ngọc Trân	11.11.1986	Nữ	ThS	Quản trị kinh doanh
229	Nguyễn Thanh Tùng	09.09.1986	Nam	ThS	Quản trị kinh doanh
230	Phạm Ánh Tuyết	05.03.1988	Nữ	ThS	Quản trị kinh doanh
231	Thi Bích Châu	10.03.1987	Nữ	ThS	Quản trị kinh doanh
232	Trần Ngọc Gái	12.08.1987	Nữ	ThS	Quản trị kinh doanh
233	Nguyễn Giác Trí	05.07.1978	Nam	TS	Tài chính - Ngân hàng
234	Lê Minh Cường	30.11.1984	Nam	TS	Tài chính - Ngân hàng
235	Hà Thái Thuý Lam	01.01.1984	Nữ	ThS	Tài chính - Ngân hàng
236	Hồ Thị Khánh Linh	01.11.1981	Nữ	ThS	Tài chính - Ngân hàng
237	Nguyễn Anh Tú	06.02.1987	Nam	ThS	Tài chính - Ngân hàng
238	Nguyễn Thị Bích Thuận	18.08.1985	Nữ	ThS	Tài chính - Ngân hàng
239	Trần Huỳnh Lê	14.06.1977	Nữ	ThS	Tài chính - Ngân hàng
240	Trần Ngọc Mỹ	18.07.1986	Nữ	ThS	Tài chính - Ngân hàng
241	Trần Văn Tập	16.12.1992	Nam	ThS	Tài chính - Ngân hàng
242	Nguyễn Văn Nam	12.11.1959	Nam	TS	Kế toán
243	Lê Hoàng Mai	05.10.1971	Nam	TS	Kế toán
244	Lê Trung Hiếu	30.11.1985	Nam	TS	Kế toán

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành giảng dạy
245	Nguyễn Ngọc Hiền	02.08.1976	Nam	TS	Kế toán
246	Đỗ Thị Thu Ba	21.01.1982	Nữ	ThS	Kế toán
247	Hoàng Thị Ánh Nguyệt	01.01.1987	Nữ	ThS	Kế toán
248	Hoàng Thị Tố Như	02.02.1987	Nữ	ThS	Kế toán
249	Huỳnh Sơn Lâm	19.07.1988	Nam	ThS	Kế toán
250	Lê Thị Kim Triệu	28.03.1988	Nữ	ThS	Kế toán
251	Nguyễn Bá Tường	29.11.1980	Nam	ThS	Kế toán
252	Nguyễn Quốc Tuấn	16.03.1985	Nam	ThS	Kế toán
253	Nguyễn Thành Nghĩa	16.01.1971	Nam	ThS	Kế toán
254	Nguyễn Thị Mỹ Trinh	27.08.1988	Nữ	ThS	Kế toán
255	Nguyễn Thị Yến Phi	25.07.1987	Nữ	ThS	Kế toán
256	Phan Hồng Khanh	05.03.1989	Nam	ThS	Kế toán
257	Trần Thị Lụa	15.05.1984	Nữ	ThS	Kế toán
258	Phạm Huệ Minh	20.08.1986	Nữ	ThS	Kế toán
259	Nguyễn Văn Xu	14.04.1984	Nam	ThS	Kế toán
260	Võ Thị Lệ Hằng	18.10.1986	Nữ	ThS	Kế toán
IV	Khối ngành IV				
261	Hồ Sỹ Thắng	30.04.1975	Nam	PGS.TS	Khoa học môi trường
262	Hà Danh Đức	08.09.1977	Nam	TS	Khoa học môi trường
263	Lê Diễm Kiều	21.04.1983	Nữ	TS	Khoa học môi trường
264	Nguyễn Thị Hải Lý	29.12.1981	Nữ	TS	Khoa học môi trường
265	Phạm Quốc Nguyên	31.08.1978	Nam	TS	Khoa học môi trường
266	Bùi Minh Triết	19.11.1987	Nam	ThS	Khoa học môi trường
267	Huỳnh Thị Thanh Trúc	18.01.1988	Nữ	ThS	Khoa học môi trường
268	Nguyễn Ngọc Bích	29.06.1986	Nữ	ThS	Khoa học môi trường
269	Nguyễn Thị Huỳnh Như	30.01.1982	Nữ	ThS	Khoa học môi trường
V	Khối ngành V				
270	Lương Thái Ngọc	17.06.1984	Nam	TS	Khoa học máy tính
271	Nguyễn Tuấn Khanh	12.06.1982	Nam	TS	Khoa học máy tính
272	Nguyễn Văn Lót	07.03.1981	Nam	TS	Khoa học máy tính
273	Lê Minh Thư	02.09.1986	Nữ	ThS	Khoa học máy tính

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành giảng dạy
274	Lê Tấn Lộc	14.11.1983	Nam	ThS	Khoa học máy tính
275	Nguyễn Minh Kha	18.06.1987	Nam	ThS	Khoa học máy tính
276	Nguyễn Thị Bích Phượng	13.01.1975	Nữ	ThS	Khoa học máy tính
277	Nguyễn Thị Thanh Thảo	01.11.1986	Nữ	ThS	Khoa học máy tính
278	Nguyễn Thị Thùy Linh	12.11.1976	Nữ	ThS	Khoa học máy tính
279	Trần Kim Hương	08.05.1987	Nữ	ThS	Khoa học máy tính
280	Trần Ngọc Thuận	07.11.1986	Nam	ThS	Khoa học máy tính
281	Trần Thanh Phúc	01.01.1985	Nam	ThS	Khoa học máy tính
282	Nguyễn Quốc Anh	06.10.1987	Nam	ThS	Khoa học máy tính
283	Lư Ngọc Trâm Anh	08.11.1986	Nữ	TS	Nuôi trồng thủy sản
284	Huỳnh Thị Ngọc Thanh	25.12.1986	Nữ	ThS	Nuôi trồng thủy sản
285	Nguyễn Gia Hiên	08.08.1983	Nam	ThS	Nuôi trồng thủy sản
286	Nguyễn Hữu Nghị	16.10.1988	Nam	ThS	Nuôi trồng thủy sản
287	Nguyễn Hữu Tân	03.05.1964	Nam	ThS	Nuôi trồng thủy sản
288	Nguyễn Thị Hồng Nho	25.01.1985	Nữ	ThS	Nuôi trồng thủy sản
289	Nguyễn Thị Thành	05.12.1984	Nữ	ThS	Nuôi trồng thủy sản
290	Nguyễn Thị Thuỷ	22.09.1986	Nữ	ThS	Nuôi trồng thủy sản
291	Trần Đạt Huy	28.04.1982	Nam	ThS	Nuôi trồng thủy sản
292	Võ Thị Phượng	08.07.1982	Nữ	ThS	Nuôi trồng thủy sản
293	Hà Huỳnh Hồng Vũ	20.11.1971	Nam	TS	Nông học
294	Trần Thị Cẩm Tú	08.02.1985	Nữ	TS	Nông học
295	Dương Văn Anh	15.08.1987	Nữ	ThS	Nông học
296	Lê Thị Trúc Phương	02.03.1991	Nữ	ThS	Nông học
297	Nguyễn Thị Pha Ly	02.09.1986	Nữ	ThS	Nông học
298	Phạm Văn Hiệp	01.01.1987	Nam	ThS	Nông học
299	Trần Thị Kim Thúy	26.02.1975	Nữ	ThS	Nông học
300	Võ Duy Hoàng	04.11.1989	Nam	ThS	Nông học
VI	Khối ngành VI				
VII	Khối ngành VII				
301	Nguyễn Thị Song Thương	28.12.1980	Nữ	TS	Việt Nam học
302	Đỗ Thị Kiều Hoa	14.05.1988	Nữ	ThS	Việt Nam học

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành giảng dạy
303	Lê Thị Thanh Yến	28.01.1988	Nữ	ThS	Việt Nam học
304	Lê Văn Vũ	30.10.1989	Nam	ThS	Việt Nam học
305	Nguyễn Trần Mai Trâm	07.11.1986	Nữ	ThS	Việt Nam học
306	Tăng Thái Thụy Ngân Tâm	03.03.1985	Nữ	ThS	Việt Nam học
307	Trần Chánh Bằng	08.10.1997	Nữ	ThS	Việt Nam học
308	Trần Hoàng Phong	20.06.1983	Nam	ThS	Việt Nam học
309	Trần Thanh Thảo Uyên	14.03.1986	Nữ	ThS	Việt Nam học
310	Võ Nguyên Thông	24.06.1988	Nam	ThS	Việt Nam học
311	Nguyễn Thị Phương	26.07.1985	Nữ	TS	Quản lý đất đai
312	Nguyễn Hữu Long	06.12.1980	Nam	ThS	Quản lý đất đai
313	Phạm Thế Hùng	13.05.1985	Nam	ThS	Quản lý đất đai
314	Ngô Thạch Thảo Ly	01.06.1986	Nữ	ThS	Quản lý đất đai
315	La Văn Hùng Minh	21.11.1985	Nam	ThS	Quản lý đất đai
316	Nguyễn Hồ	10.03.1984	Nam	ThS	Quản lý đất đai
317	Phan Văn Tuấn	30.10.1987	Nam	ThS	Quản lý đất đai
318	Trần Quang Thái	30.12.1976	Nam	PGS.TS	Công tác xã hội
319	Đỗ Thị Thảo	24.09.1979	Nữ	ThS	Công tác xã hội
320	Dương Văn Khánh	03.05.1987	Nam	ThS	Công tác xã hội
321	Nguyễn Chí Gót	25.08.1962	Nam	ThS	Công tác xã hội
322	Nguyễn Thị Bích Hưng	06.10.1983	Nữ	ThS	Công tác xã hội
323	Nguyễn Thị Phương Thảo	30.09.1985	Nữ	ThS	Công tác xã hội
324	Trần Kim Ngọc	20.08.1983	Nữ	ThS	Công tác xã hội
325	Trần Văn Luận	16.05.1987	Nam	ThS	Công tác xã hội
326	Nguyễn Văn Đệ	10.08.1959	Nam	PGS.TS	Quản lý văn hóa
327	Nguyễn Thuận Quý	10.04.1984	Nữ	TS	Quản lý văn hóa
328	Đinh Văn Nhân	29.06.1991	Nam	ThS	Quản lý văn hóa
329	Dương Thanh Tùng	14.12.1990	Nam	ThS	Quản lý văn hóa
330	Lương Thị Huỳnh Như	24.11.1984	Nữ	ThS	Quản lý văn hóa
331	Nguyễn Văn Lượm	01.01.1986	Nam	ThS	Quản lý văn hóa
332	Nguyễn Văn Nghiêm	15.04.1984	Nam	ThS	Quản lý văn hóa
333	Đỗ Minh Hùng	26.04.1966	Nam	PGS.TS	Ngôn ngữ Trung Quốc

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành giảng dạy
334	Trần Thanh Tâm	07.11.1987	Nam	TS	Ngôn ngữ Trung Quốc
335	Bùi Thị Kim Hằng	24.08.1970	Nữ	ThS	Ngôn ngữ Trung Quốc
336	Đặng Kim Hồng	07.02.1985	Nữ	ThS	Ngôn ngữ Trung Quốc
337	Huỳnh Cẩm Thảo Trang	18.09.1974	Nữ	ThS	Ngôn ngữ Trung Quốc
338	Lê Thành Long	17.11.1977	Nam	ThS	Ngôn ngữ Trung Quốc
339	Lê Văn Tiền	02.02.1988	Nam	ThS	Ngôn ngữ Trung Quốc
340	Nguyễn Anh Thư	10.03.1974	Nữ	ThS	Ngôn ngữ Trung Quốc
341	Nguyễn Châu Minh Thư	20.01.1991	Nữ	ThS	Ngôn ngữ Trung Quốc
342	Nguyễn Văn Tám	18.05.1972	Nam	ThS	Ngôn ngữ Trung Quốc
343	Phạm Thị Kim Chi	01.01.1985	Nữ	ThS	Ngôn ngữ Trung Quốc
344	Trần Thị Kim Trang	20.02.1975	Nữ	ThS	Ngôn ngữ Trung Quốc
345	Bùi Trường An	10.05.1983	Nam	ThS	Ngôn ngữ Trung Quốc
346	Cao Dao Thép	16.09.1974	Nam	ThS	Ngôn ngữ Trung Quốc
347	Lê Chánh Trực	25.11.1967	Nam	ThS	Ngôn ngữ Trung Quốc
348	Mai Thị Thảo	25.11.1995	Nữ	ThS	Ngôn ngữ Trung Quốc
349	Lương Mộng Thúy	08.10.1972	Nữ	ThS	Ngôn ngữ Trung Quốc
350	Võ Phượng Vy	15.11.1997	Nữ	ThS	Ngôn ngữ Trung Quốc
351	Trần Mạnh Thúy Quỳnh	16.02.1977	Nữ	ThS	Ngôn ngữ Trung Quốc
352	Nguyễn Thị Đan Thanh	1977	Nữ	ThS	Ngôn ngữ Trung Quốc
353	Lê Thanh Thủy	28.08.1973	Nữ	ThS	Ngôn ngữ Trung Quốc
354	Trần Thị Kim Ngọc	10.12.1983	Nữ	ThS	Ngôn ngữ Trung Quốc
355	Nguyễn Trọng Nhân	15.08.1984	Nam	ThS	Ngôn ngữ Trung Quốc
356	Lê Hồng Phương Thảo	30.09.1971	Nữ	TS	Ngôn ngữ Anh
357	Trần Thị Hiền	30.04.1975	Nữ	TS	Ngôn ngữ Anh
358	Bùi Thị Cao Nguyên	26.08.1971	Nữ	ThS	Ngôn ngữ Anh
359	Huỳnh Ngọc Linh	17.02.1981	Nữ	ThS	Ngôn ngữ Anh
360	Lê Huỳnh Thanh Huy	08.09.1978	Nam	ThS	Ngôn ngữ Anh
361	Lê Nhựt Long	08.06.1976	Nam	ThS	Ngôn ngữ Anh
362	Ngô Phương Thủy	18.02.1980	Nữ	ThS	Ngôn ngữ Anh
363	Nguyễn Ngọc Phương Vy	22.3.1994	Nữ	ThS	Ngôn ngữ Anh
364	Nguyễn Thanh Huy	18.06.1989	Nam	ThS	Ngôn ngữ Anh

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành giảng dạy
365	Nguyễn Thị Thanh Thảo	16.06.1984	Nữ	ThS	Ngôn ngữ Anh
366	Phạm Thị Kim Dung	01.01.1986	Nữ	ThS	Ngôn ngữ Anh
367	Phạm Văn Tặc	15.08.1975	Nam	ThS	Ngôn ngữ Anh
368	Thái Thị Kim Diệu	22.08.1967	Nữ	ThS	Ngôn ngữ Anh
369	Trần Ngọc Ánh	17.09.1984	Nữ	ThS	Ngôn ngữ Anh
370	Võ Duy Thanh	16.07.1985	Nam	ThS	Ngôn ngữ Anh
371	Đinh Thanh Hưng	24.01.1992	Nam	ThS	Ngôn ngữ Anh

Đồng Tháp, ngày 11 tháng 11 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG



Hồ Văn Thống

C. Công khai tỷ lệ sinh viên/giảng viên quy đổi

STT	Khối ngành	Tỷ lệ sinh viên/giảng viên cơ hữu quy đổi
1	Khối ngành I	12,60
2	Khối ngành II	-
3	Khối ngành III	21,30
4	Khối ngành IV	1,30
5	Khối ngành V	13,70
6	Khối ngành VI	-
7	Khối ngành VII	17,20

Đồng Tháp, ngày 11 tháng 11 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG



Hồ Văn Thống